



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỒ TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ NHNN CHI NHÁNH KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ NĂM 2023
(Đính kèm Thông báo số 72 /TB-NHNN ngày 23/02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG: 01 chỉ tiêu CV Hoạch định & TTCSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	CSTT6008	Phan Ngọc Thành Nhân	23-02-1986		CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		70	70	Trúng tuyển
2	CSTT6002	Lê Thị Ngọc Ánh		25-10-1996	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		65	65	
3	CSTT6005	Nguyễn Thị Minh Lý		20-01-1983	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		64	64	
4	CSTT6006	Nguyễn Thanh Mai		11-09-1991	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng	5	59	64	
5	CSTT6009	Trần Thị Chiêu Oanh		27-06-2001	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		61	61	
6	CSTT6003	Huỳnh Thị Bảo Châu		01-11-2000	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		60	60	
7	CSTT6010	Dương Huỳnh Anh Thư		26-05-1991	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		58	58	
8	CSTT6001	Phan Quý Minh Anh		04-10-1996	CV hoạch định & TTCSTT	CN Đà Nẵng		57	57	
9	TTGS6001	Huỳnh Thị Thúy Cẩm		14-06-1995	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		70	70	Trúng tuyển
10	TTGS6020	Đỗ Thị Phương Thảo		02-06-1990	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		65	65	
11	TTGS6002	Nguyễn Thị Thu Hà		20-04-1993	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		63	63	
12	TTGS6012	Hoàng Thị Tường Linh		11-04-1986	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		62	62	
13	TTGS6017	Nguyễn Mậu Hạnh Nguyên		04-11-1988	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		62	62	
14	TTGS6028	Hà Lê Thanh Trường	04-12-1997		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		60	60	
15	TTGS6029	Phan Viết Vần	18-08-1987		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		60	60	
16	TTGS6031	Nguyễn Thị Tường Vi		27-09-1986	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		60	60	
17	TTGS6004	Nguyễn Lương Diệu Hằng		21-08-2001	CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		59	59	
18	TTGS6009	Đinh Việt Khải	31-01-2000		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		58	58	
19	TTGS6006	Nguyễn Xuân Hoài	22-06-1996		CV TTGSNH	CN Đà Nẵng		56	56	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS6043	Lương Trần Cẩm Thư		03-06-1999	CV TTGSNH	CN Quảng Bình		75	75	Trúng tuyển
2	TTGS6034	Trần Hồ Hương Giang		30-10-1987	CV TTGSNH	CN Quảng Bình		70	70	
3	TTGS6039	Trần Thị Huyền Trang		17-03-1995	CV TTGSNH	CN Quảng Bình		69	69	
4	TTGS6040	Lê Thị Thanh Tâm		20-10-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Bình		69	69	
5	TTGS6041	Phan Văn Tuấn	16-05-1993		CV TTGSNH	CN Quảng Bình		68	68	
6	TTGS6044	Nguyễn Thị Hải Yến		02-07-1993	CV TTGSNH	CN Quảng Bình		67	67	
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH QUẢNG NAM: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS6047	Nguyễn Quốc Cường	14-02-2001		CV TTGSNH	CN Quảng Nam		78	78	Trúng tuyển
2	TTGS6066	Nguyễn Thị Thu Vi		19-06-1986	CV TTGSNH	CN Quảng Nam	5	72	77	
3	TTGS6058	Lương Thị Nơ		01-01-1991	CV TTGSNH	CN Quảng Nam		71	71	
4	TTGS6061	Phan Thị Hồng Thắm		29-11-1998	CV TTGSNH	CN Quảng Nam		71	71	
5	TTGS6055	Võ Thị Li Na		15-03-1988	CV TTGSNH	CN Quảng Nam		70	70	
6	TTGS6062	Lê Hồ Ngọc Thanh		17-02-1993	CV TTGSNH	CN Quảng Nam		70	70	
NHNN CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ: 02 chỉ tiêu CV Hoạch định & TTCSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	CSTT6027	Trần Thị Thảo Nhi		12-12-1990	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		80	80	Trúng tuyển
2	CSTT6023	Lê Tịnh Ngân		01-4-1990	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		78	78	Trúng tuyển
3	CSTT6022	Nguyễn Huyền Nga		25-06-1993	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		76	76	
4	CSTT6025	Tôn Nữ Thảo Nguyên		14-04-1999	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		75	75	
5	CSTT6030	Nguyễn Thanh Thùy Vân		11-3-1990	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		74	74	
6	CSTT6029	Lê Minh Tú Phương		12-04-1997	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		73	73	
7	CSTT6020	Trần Thị Liên		13-04-1998	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		71	71	
8	CSTT6024	Đặng Thị Bảo Ngân		27-04-2001	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		71	71	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
9	CSTT6013	Phan Văn	Chương	11-09-1993		CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		70	70	
10	CSTT6031	Lê Thị	Thu		13-5-1995	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		69	69	
11	CSTT6016	Võ Hạ Bảo	Đan		27-6-1992	CV hoạch định & TTCSTT	CN Thừa Thiên Huế		68	68	
12	TTGS6077	Hoàng Bá	Hiển	22-09-1991		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế		78	78	Trúng tuyển
13	TTGS6072	Lê Thị Ánh	Dương		24-01-1996	CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế		75	75	
14	TTGS6079	Lê Thanh Việt	Hùng	29-08-1990		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế		73	73	
15	TTGS6087	Hà Nguyên Minh	Tuấn	22-06-2000		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế		72	72	
16	TTGS6070	Lê Xuân Tuấn	Anh	13-01-1993		CV TTGSNH	CN Thừa Thiên Huế		70	70	

